

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5196/UBND-KGVX  
V/v đề xuất điều chỉnh các  
chỉ tiêu, mục tiêu được giao tại  
Quyết định số 652/QĐ-TTg  
ngày 28/5/2022 của Thủ tướng  
Chính phủ

*Quảng Ngãi, ngày 17 tháng 10 năm 2023*

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Thông báo số 392/TB-VPCP ngày 24/9/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại Phiên họp thứ 4 của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trực tuyến với các địa phương về sơ kết tình hình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới; UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo và đề xuất các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu được giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

**1. Việc ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện trong thời gian qua**

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 của từng Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đảm bảo theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 652/QĐ-TTg, cụ thể là:

- Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Trên cơ sở đó, xuyên suốt từ năm 2021 đến nay, công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh đều hướng đến mục tiêu phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu, kế hoạch được giao của từng chương trình. Theo đó, với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của tỉnh và sự nỗ lực, phối hợp đồng bộ trong triển khai thực hiện của các ngành và địa phương, các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh đã đạt kết quả tích cực. Các khó khăn, vướng mắc từng bước được tháo gỡ; các văn bản chỉ đạo điều hành, nhất là các văn bản quy định về cơ chế, chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh được ban hành đầy đủ<sup>1</sup> theo yêu cầu tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ và các Thông tư của Bộ ngành Trung ương, góp phần thực hiện hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh. Hiện nay, tỉnh đang tiếp tục thực hiện việc ban hành mới và sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được nêu trên thì việc triển khai thực hiện từng tiểu dự án, dự án thành phần của các Chương trình vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc; do đó, tỷ lệ giải ngân vẫn chưa đáp ứng theo kế hoạch về tiến độ giải ngân vốn của tỉnh. Đồng thời, nguồn vốn bố trí từ ngân sách nhà nước vẫn còn hạn chế, khả năng huy động vốn ngoài ngân sách vẫn gặp nhiều khó khăn, vì vậy nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu của các chương trình vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, nhất là Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới.

## **2. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công**

### **2.1. Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tỉnh giao cho 03 Chương trình MTQG là 3.500,732 tỷ đồng, gồm: ngân sách trung ương là 2.100,732 tỷ đồng<sup>2</sup>, ngân sách tỉnh là 1.400,0 tỷ đồng<sup>3</sup>. Đến nay, đã phân bổ trong kế hoạch vốn hằng năm là 1.742,99 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 49,8%), gồm: ngân sách trung ương là 1.067,694 tỷ đồng và ngân sách tỉnh là 675,296 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Chương trình MTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 1.216,317 tỷ đồng, gồm: ngân sách Trung ương là 1.105,696 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 110,612 tỷ đồng. Đã phân bổ các năm 2022, 2023 là 553,145 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 45,5%), gồm: ngân sách Trung

<sup>1</sup> Trong đó có 11 văn bản quy phạm pháp luật (gồm 07 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; 04 Quyết định của UBND tỉnh)

<sup>2</sup> Tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ là 2.033,902 tỷ đồng và Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ (66,830 tỷ đồng)

<sup>3</sup> Chưa bao gồm đối ứng từ nguồn ngân sách cấp huyện xã (khoảng 55,656 tỷ đồng, gồm Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng ĐBDTTĐ& MN là 53,204 tỷ đồng, Chương trình Giảm nghèo bền vững là 2,452 tỷ đồng)

ương là 500,832 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 52,313 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững là 586,585 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 512,206 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 74,379 tỷ đồng. Đã phân bổ các năm 2022, 2023 là 315,835 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 53,8%), gồm: ngân sách Trung ương 284,852 tỷ đồng; ngân sách tỉnh là 30,983 tỷ đồng.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.697,83 tỷ đồng, gồm ngân sách Trung ương là 482,830 tỷ đồng, ngân sách tỉnh là 1.215,0 tỷ đồng. Đã phân bổ các năm 2021, 2022, 2023 là 874,010 tỷ đồng (chiếm tỷ lệ 51,5%), gồm: ngân sách Trung ương 282,010 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 592,0 tỷ đồng.

## ***2.2. Về công tác chỉ đạo đẩy nhanh thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm***

Xác định việc giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện; do đó, ngay từ đầu năm kế hoạch, UBND tỉnh ban hành các Chỉ thị về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công (bao gồm vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia); bên cạnh đó, để tổ chức thực hiện hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 19/01/2023. Tại các Chỉ thị này, tỉnh đã đề ra giải pháp và phân công từng nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư và giao tiến độ giải ngân vốn cho từng chương trình, dự án. Mặt khác, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức họp trực báo và kiểm tra thực tế tại cơ sở, đến trực tiếp hiện trường dự án; qua đó, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, xử lý các vướng mắc để đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và nâng cao tỷ lệ giải ngân các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

Mặc dù vậy, công tác giải ngân vốn đầu tư công của chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh vẫn còn chậm do gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nhất là trong năm 2022 (như: kế hoạch vốn 2022 được giao vào quý III/2022; thực hiện quy trình thủ tục theo quy định pháp luật liên quan đến đầu tư công; chờ văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành; chờ các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoá của tỉnh xây dựng ban hành theo quy định). Đến nay, cơ sở pháp lý, văn bản hướng dẫn đã cơ bản hoàn thiện, đồng thời, với sự chỉ đạo và quyết tâm thực hiện của các cấp, tình hình triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã đạt được kết quả bước đầu.

Trong 9 tháng đầu năm 2023, các Sở ngành và địa phương tập trung giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 chuyển sang và kế hoạch vốn năm 2023, phấn đấu đến cuối năm 2023 giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Trong đó, tính đến ngày 30/9/2023 kết quả giải ngân như sau:

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 79,5% (trong đó: Chương trình Phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc

thiếu số và miền núi là 76,7%, Chương trình Giảm nghèo bền vững là 80,4%, Chương trình Xây dựng nông thôn mới là 82,6%).

- Tỷ giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 là 44,4% (trong đó: Chương trình Phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi là 56,6%, Chương trình Giảm nghèo bền vững là 56,2%, Chương trình Xây dựng nông thôn mới là 27,8%). Trường hợp nếu tổng kế hoạch vốn bao gồm cả số vốn<sup>4</sup> vừa giao bổ sung trong tháng 9/2023 (chưa giải ngân) thì tỷ lệ giải ngân là 43,1%.

### **3. Dự kiến kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của các Chương trình MTQG, các khó khăn, vướng mắc liên quan**

#### **3.1. Việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu**

##### **a) Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

Đầu năm 2022, toàn vùng đồng bào DTTS&MN có 23.099 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 35,64%; có 9.204 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 14,2% đến cuối năm, trong năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi giảm 5,37% xuống còn 30,27% (đạt mục tiêu đề ra là 4%); tỷ lệ hộ cận nghèo là 13,99%; có 05 xã đạt tiêu chí nông thôn mới, đạt tỷ lệ 8,2%; 100% xã có điện lưới quốc gia; Hệ thống giao thông ở vùng đồng bào DTTS&MN cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; mạng lưới giao thông từ huyện đến xã, thôn đang từng bước được cải thiện, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, cứng hóa; 95,5% thôn, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng. Dự kiến đến cuối năm 2025 cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

##### **b) Đối với Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững**

- Kết quả giảm nghèo năm 2022: Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm 2022 (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025) có 9,11% đến cuối năm giảm xuống còn 7,8%, giảm 1,31% đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu 1,27%). Trong đó:

+ Các huyện nghèo đầu năm 2022 có 43,93% hộ nghèo đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 38,61%, giảm 5,32% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 4-5%/năm).

+ Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (trong tổng số hộ dân tộc thiểu số) đầu năm 2022 có 41,59% đến cuối năm 2022 giảm xuống còn 35,46%, giảm 6,13% đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm trên 3,0%/năm).

- Ước giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023: Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh có 7,8%, ước thực hiện đến cuối năm 2023 giảm xuống còn 6,68%, giảm 1,13% đạt mục tiêu kế hoạch đề ra (mục tiêu giảm 1-1,5%/năm). Trong đó:

+ Các huyện nghèo đầu năm 2023 có 38,61% đến cuối năm 2023 giảm

<sup>4</sup> Là 22,259 tỷ đồng (gồm Chương trình Phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi là 11,059 tỷ đồng; Chương trình Xây dựng nông thôn mới là 11,2 tỷ đồng)

xuống còn 32,85%, giảm 5,76% vượt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm 4-5%/năm).

+ Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số (trong tổng số hộ dân tộc thiểu số) đầu năm 2023 có 35,64% đến cuối năm 2023 giảm xuống còn 32,14%, giảm 3,5% đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu giảm trên 3,0%/năm).

Như vậy, trên cơ sở dự kiến kết quả thực hiện đến cuối năm 2023 thì theo lộ trình đến cuối năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi sẽ đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025.

### ***c) Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới***

- Trong giai đoạn 2021-2025, có 31 xã (trong đó: 07 xã đồng bằng, 24 xã ĐBK), đến nay có **5/31** xã đạt công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 16,13%, lũy kế 94/148 xã, đạt **63,51%**. Đối với 26 xã (trong đó: 02 xã đồng bằng, 24 xã miền núi) còn lại thì **khả năng đạt 14/26 xã**. Cả giai đoạn 19/31 xã, đạt 61,29% kế hoạch, lũy kế 108/148 xã, đạt **72,97%** (Chỉ tiêu TW giao 81,1%).

- Có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Chỉ tiêu Trung ương giao 43,3%, tương đương 52 xã);

- Chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (Chỉ tiêu Trung ương giao 6,7%, tương đương 08 xã).

### **3.2. Khó khăn ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu**

Mặc dù đạt được những kết quả nhưng việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2021-2025 vẫn còn một số khó khăn, cụ thể như:

#### ***a) Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:***

- Trong giai đoạn 2021-2025, vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 482,830 tỷ đồng và ngân sách tỉnh đối ứng là 1.215 tỷ đồng, gấp 2,51 lần vốn ngân sách trung ương (theo quy định ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 1,5 lần ngân sách trung ương). Như vậy, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước đã ưu tiên rất lớn để thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nhất là ngân sách tỉnh. Tuy nhiên, do các xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025, phần lớn thuộc các xã đặc biệt khó khăn (24 xã), địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác; do đó, rất khó khăn trong đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, văn hóa... Người dân chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ Nhà nước.

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu (tăng 8 chỉ tiêu so với giai đoạn 2016-2020) yêu cầu đạt chuẩn ở mức độ cao hơn; một số tiêu chí khó đạt như: Tiêu chí số 5 về trường học, Tiêu chí số 10 thu nhập bình quân đầu người, Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều; Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (*chiều cao theo tuổi* quy định ( $\leq 24\%$  đối với xã đặc biệt khó khăn,  $\leq 22\%$  đối với các xã còn lại) chỉ

tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử,...

- Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 với 19 tiêu chí 75 chỉ tiêu; một số tiêu chí, chỉ tiêu khó thực thi như: Tiêu chí số 15 về Hành chính công, trong đó: Chỉ tiêu 15.1 (Có ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính); chỉ tiêu 15.3 (Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp). Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật, trong đó: Chỉ tiêu 16.1 (Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận) và chỉ tiêu 16.2 (Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành). Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống, trong đó chỉ tiêu 18.1 (Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung)...

**b) Đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** Theo Quyết định số 652/QĐ-TTg, mục tiêu xã ra khỏi địa bàn ĐBKK là 26 xã và tỷ lệ xã là **49,1%** (Tuy nhiên, số liệu chính xác nếu tính theo tổng số xã ĐBKK (tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) là 52 xã, thì tỷ lệ này là **50%**). Theo đó, trong danh sách 52 xã này, đã có 01 xã (là xã Thanh An, huyện Minh Long) đạt chuẩn Nông thôn mới trong năm 2020, vì vậy, trong giai đoạn 2021 –2025, tỉnh Quảng Ngãi chỉ còn 51 xã khu vực III (xã ĐBKK), như vậy, để tương ứng mới mục tiêu tỷ lệ xã là **49,1%**, thì số xã ra khỏi địa bàn ĐBKK tương ứng với **25 xã**.

#### **4. Đề xuất, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 25/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ**

Qua rà soát, đánh giá khả năng phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg; trên cơ sở thực tiễn triển khai tại địa phương; UBND tỉnh Quảng Ngãi đề xuất điều chỉnh các mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 25/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

##### **- Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

(1) Điều chỉnh giảm số huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (từ 7 huyện thành 5 huyện);

(2) Điều chỉnh giảm tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (từ 81,1% xuống còn 72,9%);

(3) Điều chỉnh giảm tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (từ 43,3% xuống còn 27,7%); Điều chỉnh giảm tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (từ 6,7% xuống còn 4,6%)

##### **- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

Điều chỉnh số xã ra khỏi địa bàn ĐBKK (từ 26 xã xuống còn 25 xã).

(Chi tiết có phụ lục đính kèm).

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, KTN, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>VHTin567</sub>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hoàng Tuấn**





Phụ lục

**ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Công văn số 5196/UBND-KGVX ngày 17/10/2023 của UBND tỉnh)



TT	Danh mục mục tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 theo QĐ số 652/QĐ-TTg	Kế hoạch xin điều chỉnh	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>				
1.1	Số xã ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn				
-	Số xã	xã	26	25	
-	Tỷ lệ	%	49,1	49	
<b>II</b>	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>				
<b>1</b>	<b>Cấp huyện</b>				
-	Số đơn vị được công nhận đạt chuẩn NTM / hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	huyện	7	5	giảm 2 huyện
<b>2</b>	<b>Cấp xã</b>				
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	81,1 (120 xã)	72,9 (108 xã)	giảm 12 xã
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	43,3 (52 xã)	27,7 (30 xã)	giảm 22 xã
-	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	6,7 (08 xã)	4,6 (05 xã)	giảm 03 xã

